TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HS-ST
Ngày 31 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Duyện

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thúy Phương

Bà Trần Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Sầm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30, 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Triệu Văn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 17 tháng 4 năm 1996 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chằn H (đã chết) và con bà Dương Múi N (đã chết); vợ; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 14/10/2023 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T*: Bà Dương Thị Quỳnh H1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L; có mặt.

- *Bị hại*: Chị Hoàng Thị N1 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

1. Anh Hứa Nam N2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1964; vắng mặt.

3. Bà Hà Thụ P, sinh năm 1960; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn S, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn T1 và bà Hà Thụ P: Anh Hứa Nam N2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2024); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Bế Mạnh K, sinh năm 1994; nghề nghiệp: Cán bộ Phòng C Công an tỉnh L; nơi cư trú: Tổ F, khối D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Anh Đào Anh V, sinh năm 1988; nghề nghiệp: Cán bộ Phòng C Công an tỉnh L; nơi cư trú: Tổ C, khối E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Anh Triệu Hải N3, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số C, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Hoàng Văn Đ; có mặt.

2. Anh Nông Văn Đ1; vắng mặt.

3. Anh Triệu Quốc K1; vắng mặt.

4. Anh Lý Nhân Đ2; vắng mặt.

5. Anh Đặng Hữu H2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/7/2023, Triệu Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 từ nhà thuộc thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đi theo Quốc lộ D đến thành phố L để đổi điện thoại. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi Triệu Văn T điều khiển xe mô tô đi đến khu vực Km6+500 Quốc lộ D thuộc thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Triệu Văn T nhìn thấy phía trước cách khoảng 30-40m, bên trái đường theo chiều đi của Triệu Văn T có một tổ công tác cùng ô tô của lực lượng Cảnh sát giao thông. Triệu Văn T điều khiển xe đi tiếp về phía trước khoảng 10m thì thấy có một đồng chí Cảnh sát giao thông, đeo khẩu trang đang đứng ở gần giữa đường, sát vạch kẻ màu vàng giơ gậy ra tín hiệu cho Triệu Văn T dừng vào lề đường để kiểm tra. Do bản thân chưa có giấy phép lái xe và buổi trưa cùng ngày Triệu Văn T đã uống rượu, sợ bị kiểm tra phát hiện nên Triệu Văn T đã điều khiển xe mô tô tăng ga, lách về phía sát lề đường bên phải theo chiều đi của Triệu Văn T để vượt qua người Cảnh sát giao thông. Sau khi vượt qua người Cảnh sát giao thông khoảng 15-20m, Triệu Văn T phát hiện thấy một người phụ nữ đi bộ cùng chiều phía trước ở mép đường bên phải hướng huyện L - thành phố L. Do đi nhanh, khoảng cách gần không kịp xử lý nên xe mô tô của Triệu Văn T đã đâm vào phía sau người đi

bộ là chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1990, trú tại: Thôn H, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hậu quả: Chị Hoàng Thị N1 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu, đến sáng ngày 31/7/2023 thì tử vong; Triệu Văn T bị thương nhẹ, xe mô tô bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường được xác định tại Km6+500 Quốc lộ D thuộc địa phận thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường rải nhựa rộng 07m, giữa đường có vạch sơn nét màu vàng phân chia hai chiều đường chạy riêng biệt. Các vị trí được mô tả và đo về mép đường bên phải theo hướng huyện L - thành phố L. Điểm mốc được xác định là cột Km6+500 ở bên trái đường theo hướng huyện L - thành phố L.

Vị trí số 1 là mảnh nhựa vỡ màu trắng, nằm bên phải theo hướng huyện L - thành phố L, kích thước 0,07 x 0,4m; tâm mảnh nhựa vỡ cách mép đường là 0,5m, cách điểm mốc là 11m, cách vị trí số 2 về hướng thành phố L là 0,5m.

Vị trí số 2 là vết cày trên mặt đường bên phải hướng huyện L - thành phố L, kích thước 0,07 x 0,15m; tâm vết cách mép đường 0,5m, từ tâm vị trí số 2 đến tâm vị trí số 3 về hướng thành phố L là 2,5m.

Vị trí số 3 là vùng chất dịch màu hồng ở mặt đường bên phải hướng huyện L - thành phố L, kích thước 0,7 x 0,25m; tâm vết cách mép đường 0,9m, từ tâm vị trí số 3 đến vị trí số 4 hướng về bên phải đường là 0,8m.

Vị trí số 4 là vùng chất dịch màu hồng ở mặt đường bên phải hướng huyện L - thành phố L, kích thước 0,3 x 0,15m; tâm vùng chất dịch cách mép đường 0,1m, từ tâm vị trí số 4 đến trục sau xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 hướng về bên phải đường là 1,1m.

Vị trí số 5 là xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 nằm đổ nghiêng bên trái, đầu xe mô tô hướng về phía huyện L, đuôi xe hướng về thành phố L. Phần trục sau xe nằm trên phần mép của dải đất liền kề với rãnh thoát nước, trục trước của xe mô tô nằm xuống dưới của phần rãnh thoát nước. T2 trục trước xe mô tô cách mép đường là 1,5m, cách mặt của rãnh thoát nước là 0,08m, cách cột mốc Km6+500 là 13,8m. T2 trục sau xe mô tô cách mép đường là 0,9m, cách mặt đường là 0,15m, cách cột mốc Km 6+500 là 14,2m.

Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông xảy ra tai nạn, Triệu Văn T không có giấy phép lái xe theo quy định, kiểm tra nồng độ cồn Triệu Văn T ngay sau khi xảy ra vụ việc, kết quả 0.034 mg/L khí thở.

Thu giữ vật chứng và tài liệu liên quan: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 cùng giấy đăng ký xe.

Kết luận giám định tử thi số: 845/KLGĐTT-PC09 ngày 14/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận về nguyên nhân chết của Hoàng Thị N1: Các kết quả chính - Nhiều vết thương bầm tím, xây xát da trên cơ thể; di động bất thường xương cột sống vùng cổ; gãy kín hai xương cẳng chân bên phải; tụ máu lan tỏa dưới da cơ đầu vùng đỉnh chẩm phải; vỡ toác xương hộp sọ từ đỉnh chẩm phải kéo dài đến xương thái dương phải, đường vỡ phức tạp, dài 14cm.

- Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.

- Thời gian chết của tử thi so với thời điểm giám định tử thi là dưới 24 giờ.

Kết luận giám định số: 830/KL-KTHS ngày 08/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Không tìm thấy Ethanol trong mẫu máu gửi giám định (của tử thi Hoàng Thị N1).

Kết luận giám định độc chất số: 477//2023/KLGĐĐC-TTPY ngày 11/8/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Hà Nội kết luận: Mẫu máu vụ Hoàng Thị N1 giám định không tìm thấy các chất ma túy.

Bản kết luận giám định số: 77/GĐKT-ĐK ngày 23/8/2023 của Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Lạng Sơn kết luận xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 khi xảy ra tai nạn, các hệ thống an toàn của xe đầy đủ, hoạt động bình thường và đảm bảo an toàn kỹ thuật.

Kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐGTS ngày 21/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cao Lộc kết luận về thiệt hại tài sản trong vụ việc: Thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 là 810.000 đồng (tám trăm mười nghìn đồng).

Qua khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thu thập lời khai của người tham gia giao thông, người làm chứng, xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn giao thông do Triệu Văn T điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe, trong cơ thể có nồng độ cồn, không chấp hành hiệu lệnh của lực lượng Cảnh sát giao thông và không chú ý quan sát khi tham gia giao thông, để xe mô tô đâm vào người đi bộ phía trước. Hành vi của Triệu Văn T vi phạm Khoản 1, 2 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ về Chấp hành báo hiệu đường bộ: *"1. Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ; Khi có người điều khiển giao thông thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông...";* vi phạm Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải: "*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau: 1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;...".*

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người đại diện của bị hại là anh Hứa Nam N2 (chồng của chị Hoàng Thị N1) yêu cầu bị cáo Triệu Văn T bồi thường tổng số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Bị cáo Triệu Văn T đã bồi thường cho người đại diện của bị hại số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Đối với vật chứng đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản Cáo trạng số 42/CT-VKSCL ngày 14/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Triệu Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và xin lỗi gia đình bị hại. Về việc bồi thường thiệt bị cáo Triệu Văn T nhất trí mức bồi thường mà đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Hứa Nam N2 trình bày: Sau khi vụ tai nạn giao thông đường bộ ngày 30/7/2023 tại Km6+500 Quốc lộ 4B thuộc thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xảy ra thì gia đình anh đã yêu cầu bị cáo Triệu Văn T bồi thường 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo Triệu Văn T đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn yêu cầu bị cáo Triệu Văn T phải có trách bồi thường thiệt hại tất cả các khoản là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp cho gia đình anh 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bế Mạnh K, anh Đào Anh V là cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn khai: Trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút ngày 30/7/2023, các anh là cán bộ thuộc tổ Cảnh sát giao thông đường bộ làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực Km6+500 Quốc lộ D thuộc thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Kế hoạch tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ đã được Lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông phê duyệt theo đúng quy định. Quá trình làm nhiệm vụ, các anh đã dừng phương tiện để kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm đúng trình tự, thẩm quyền, chức năng, quyền hạn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Áp dụng điểm a, b, d khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù giam. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng vì bị cáo không có tài sản.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo Triệu Văn T phải có trách bồi thường thiệt hại tất cả các khoản là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) cho anh Hứa Nam N2, bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 nhãn hiệu HONDA, màu sơn: trắng đen bạc, số khung: 3915KY325522, số máy: JA39E1190514 đã qua sử dụng, bị hỏng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 017385, biển số đăng ký: 12D1-274.14 mang tên Triệu Hải N3.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo Triệu Văn T không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, bị cáo Triệu Văn T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b, d khoản 2 Điều 260, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 03 - 04 năm tù giam để bị cáo Triệu Văn T có cơ hội rèn luyện bản thân, khắc phục lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Văn T và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận mức bồi thường thiệt hại là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Bị cáo Triệu Văn T đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), vì vậy căn cứ quy định tại các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1 - 274.14 và giấy tờ liên quan cho bị cáo, vì đây là tài sản của bị cáo, là phương tiện duy nhất phục vụ sinh hoạt đi lại của bị cáo và bị cáo phạm tội với lỗi vô ý.

Về án phí: Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Triệu Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí, bị cáo đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại tranh luận, mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là nhẹ, chưa đủ sức răn đe.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với người bào chữa của bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại và giữ nguyên mức đề nghị về hình phạt đối bị cáo Triệu Văn T.

Lời nói sau cùng bị cáo thể hiện ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và những người tham gia tố tụng đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn L, anh Triệu Hải N3 vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); những người làm chứng Nông Văn Đ1, Triệu Quốc K1, Lý Nhân Đ2, Đặng Hữu H2 vắng mặt không có lý do, nhưng trong hồ sơ đã có lời khai của họ, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét về hành vi phạm tội, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ xác định: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 30/7/2023 tại Km6+500 Quốc lộ D thuộc thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Triệu Văn T điều khiển xe mô tô hướng huyện L - thành phố L do không chấp hành hiệu lệnh của Cảnh sát giao thông đang điều khiển giao thông, không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ và giữ khoảng cách, đã để xe mô tô đâm vào chị Hoàng Thị N1 đang đi bộ cùng chiều phía trước. Hậu quả: Chị Hoàng Thị N1 tử vong. Thời điểm điều khiển xe mô tô gây tai nạn, bị cáo Triệu Văn T không có giấy phép lái xe theo quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn. Với hành vi trên đã đủ cơ sở để kết luận bị cáo Triệu Văn T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 42/CT-VKS, ngày 14/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Triệu Văn T gây ra đã xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông công cộng, gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Xác định lỗi trong vụ tai nạn là do lỗi vô ý của bị cáo Triệu Văn T điều khiển xe mô tô không chấp hành hiệu lệnh của Cảnh sát giao thông đang điều khiển giao thông, không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ và giữ khoảng cách, đã để xe mô tô đâm vào chị Hoàng Thị N1 đang đi bộ cùng chiều phía trước, tại thời điểm điều khiển xe mô tô gây tai nạn, Triệu Văn T không có giấy phép lái xe theo quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn, các hành vi trên của bị cáo Triệu Văn T đã vi phạm quy định Luật Giao thông đường bộ, do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại được một phần (người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường 350.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng), bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, nên bị cáo Triệu Văn T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, nên xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[8] Đây là vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ hậu quả xảy ra là rất nghiệm trọng làm chết một người. Bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô trong hơi thở có nồng độ cồn, không chấp hành hiệu lệnh của Cảnh sát giao thông, bị cáo là người có thể chất và tinh thần phát triển bình thường, đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để giáo dục bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho những người tham gia giao thông phải chấp hành luật giao thông đường bộ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo Triệu Văn T ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có tài sản riêng.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Hứa Nam N2 yêu cầu bị cáo Triệu Văn T bồi thường tất cả các khoản là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), còn 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) anh Hứa Nam N2 yêu cầu bị cáo Triệu Văn T bồi thường tiếp. Bị cáo Triệu Văn T nhất trí bồi thường 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và trả số tiền còn lại theo yêu cầu của anh Hứa Nam N2 là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận giữa người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 591; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận này.

[11] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 nhãn hiệu HONDA, màu sơn: trắng đen bạc, số khung: 3915KY325522, số máy: JA39E1190514 đã qua sử dụng, bị hỏng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 017385, biển số đăng ký: 12D1-274.14 mang tên Triệu Hải N3.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Nhưng bị cáo Triệu Văn T là người dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí, nên bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc đề nghị nào phù hợp với quy định pháp luật thì sẽ chấp nhận.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo định của các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, d khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 591; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 05 (năm) năm tù giam. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14/10/2023.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại; bị cáo Triệu Văn T có trách nhiệm bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại ông Hứa Nam N2; nơi cư trú: Thôn H, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), xác nhận bị cáo Triệu Văn T đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm

mươi triệu đồng), bị cáo Triệu Văn T còn phải bồi thường tiếp 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12D1-274.14 nhãn hiệu HONDA, màu sơn: trắng đen bạc, số khung: 3915KY325522, số máy: JA39E1190514 đã qua sử dụng, bị hỏng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 017385, biển số đăng ký: 12D1-274.14 mang tên Triệu Hải N3.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và được ghi chi tiết tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Bị cáo Triệu Văn T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội TH Công an H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Duyện